

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST.
Ngày 25-02-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1959 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: B78/61 Tôn Thất Thuyết, phường M, quận T, thành phố H (không có nơi đăng ký thường trú); Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn P (sinh năm 1930, đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị A (sinh năm 1934, đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1964, đã ly hôn và có 01 con Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1990. Hiện sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị H - SN 1952.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Năm 1985, bị Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xử phạt 05 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 78/HSST ngày 17/04/1985. Đã chấp hành xong.

+ Năm 1992, bị Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh L xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 17/HSST ngày 13/5/1992. Đã chấp hành xong.

+ Năm 1993, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” theo Bản án số 08/HSST ngày 20/09/1993.

+ Năm 1993, bị Tòa án nhân dân tỉnh L xử phúc thẩm do kháng cáo, xử phạt 35 tháng 08 ngày về 02 tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” và “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 111/HSPT ngày 10/12/1993. Đã chấp hành xong.

+ Năm 1997, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Cưỡng đoạt tài sản của công dân” theo Bản án số 1192/HSST ngày 15/07/1997. Đã chấp hành xong.

+ Năm 2003, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 05 năm về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 2023/HSST ngày 10/11/2003. Đã chấp hành xong.

Bị cáo đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ra quyết định truy nã. Bị bắt ngày 10/10/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- *Bị hại:* Chị Mai Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 20/6, tổ 3, khu phố Đ, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: B78/61 Tôn Thất Thuyết, phường M, quận T, thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/6/2018, Nguyễn Hoàng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen biển số 51H4-6753 từ thành phố H đến thành phố B để tìm tài sản trộm cắp. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T đến đoạn đường B thuộc phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai phát hiện Mai Thị D sinh năm 1978, ở khóm 3, ấp Đ, xã H, Biên Hòa, Đồng Nai, đang bán vé số dạo nên T vờ mua vé số, T nói chuyện với chị D tìm quán cà phê nào vắng vẻ tâm sự rồi trả tiền bán vé số cho chị D 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng), chị D đồng ý. Hai người vào trong khuôn viên trạm y tế phường B, thành phố B, T dựng xe phía trước rồi cùng chị

D vào khu vực bên hông nhà của trạm y tế. T ôm sát chị D, chị D không phản ứng gì rồi đưa tay trái vào túi áo khoác bên phải chị D thấy có 01 xấp tiền, T lấy hết tiền bỏ vào túi quần bên trái phía sau của mình đồng thời T đẩy chị D ra và nói, đứng tại đó để T ra xe lấy tiền trả chị D, T ra nổ máy và bỏ chạy; chị D phát hiện bị mất tiền có tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Sau khi lấy được số tiền T kiểm tra được 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) đã tiêu xài hết. Khoảng 08 giờ ngày 24/6/2018, T tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đến khu vực phường B tìm tài sản trộm cắp thì vợ, chồng chị D nhận ra T, giữ T lại trình báo Công an, tại Cơ quan Công an T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng và xử lý :

Đối với chiếc xe mô tô số 51H4-6753 là phương tiện phạm tội, chiếc xe này đứng tên Nguyễn Thị H là người chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn với T, Khi T sử dụng xe này để đi phạm tội thì bà H không biết Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H.

Về dân sự: Gia đình T bồi thường số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) cho chị D nên không có yêu cầu gì thêm .

Bản cáo trạng số 96/CT-VKSBH ngày 27/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận bị

cáo Nguyễn Hoàng T đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của chị Mai Thị D có tổng trị giá tài sản là 2.700.000đồng. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B truy tố bị cáo về tội: “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, tài sản hợp pháp được pháp luật bảo hộ. Hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Cần có mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo có nhân thân xấu đã có nhiều bản án. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) cho chị D, chị D không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét.

[6] Vật chứng của vụ án: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2021.

2. Về án Phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo, bị hại, (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phước Vinh